diào dēng

吊灯

noun · chandelier; hanging lamp

Example Sentences

kè tīng yǒu yī zhǎn diào dēng
客厅有一盏吊灯。

There is a chandelier in the living room.

zhè zhǎn shuǐ jīng diào dēng fēi cháng piào liang
这盏水晶吊灯非常漂亮。

This crystal chandelier is very beautiful.

cān tīng de diào dēng huài le xū yào zhǎo rén xiū lǐ
餐厅的吊灯坏了，需要找人修理。

The hanging lamp in the dining room is broken and needs someone to fix it.

Trace each character, then write the word on your own.